

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN VĂN HUY

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CUNG CẤP TÍN DỤNG
CHÍNH THỨC CHO HỘ NÔNG DÂN NGHÈO
HUYỆN YÊN DŨNG - TỈNH BẮC GIANG**

**Chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp
Mã số: 60 - 31 - 10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ MINH THỌ

THÁI NGUYÊN, NĂM 2011

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “*Giải pháp chủ yếu cung cấp tín dụng chính thức cho hộ nông dân nghèo huyện Yên Dũng- tỉnh Bắc Giang*” sử dụng những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Các thông tin này đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2011

Tác giả luận văn

Nguyễn Văn Huy

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực hiện luận văn, tôi đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ quý báu của nhiều tập thể, cá nhân trong và ngoài trường.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Ban chủ nhiệm khoa Đào tạo Sau Đại học cùng các thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh đã tận tình giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập tại trường.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo TS. Nguyễn Thị Minh Thọ người đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ tôi trong thời gian thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, cán bộ của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện Yên Dũng, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Yên Dũng, Kho Bạc Nhà nước huyện Yên Dũng, Phòng Thống kê huyện Yên Dũng, UBND huyện Yên Dũng và các cơ quan có liên quan đã tạo điều kiện cho tôi trong việc thu thập số liệu và các thông tin cần thiết để tôi hoàn thành luận văn của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2011

Tác giả luận văn

Nguyễn Văn Huy

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC KÝ TỰ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG	vi
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Ý nghĩa của luận văn.....	5
5. Kết cấu luận văn.....	5
Chương I: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	6
1.1. Tổng quan tài liệu về tín dụng	6
1.1.1. Cơ sở lý luận về tín dụng	6
1.1.2. Cơ sở thực tiễn	22
1.2. Phương pháp nghiên cứu	42
1.2.1. Phương pháp thu thập thông tin	42
1.2.2. Phương pháp phân tích số liệu	44
1.2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu	44
Chương II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CHÍNH THỨC TẠI HUYỆN YÊN DŨNG - TỈNH BẮC GIANG	46
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu.....	46
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên	46
2.1.2. Đặc điểm kinh tế- xã hội	51

2.1.3. Đánh giá chung về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên- kinh tế- xã hội đến phát triển kinh tế nông nghiệp- Nông thôn huyện Yên Dũng	62
2.2. Một số nét cơ bản về hệ thống tín dụng của huyện Yên Dũng.....	63
2.2.1. Tình hình cung ứng vốn tín dụng đầu tư cho phát triển nông nghiệp của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng	63
2.2.2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Dũng	70
2.3. Phân tích tình hình vay vốn của hộ nông dân nghèo trên địa bàn huyện Yên Dũng	74
2.3.1. Phân tích tình hình cơ bản của các hộ được điều tra	74
2.3.2. Thực trạng phát triển kinh tế của hộ nông dân	77
2.3.3. Tình hình sử dụng đất đai của các hộ điều tra	78
2.3.4. Nhu cầu vay vốn của các hộ điều tra	80
2.3.5. Nhu cầu về mức vốn vay.....	80
2.3.6. Nhu cầu thời gian vay vốn	82
2.4. Ý kiến của các hộ điều tra về hiệu quả sử dụng đồng vốn để phát triển kinh tế hộ nông dân.....	82
Chương III: GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CUNG CẤP TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CHO HỘ NÔNG DÂN NGHÈO HUYỆN YÊN DŨNG TỈNH BẮC GIANG	86
3.1. Định hướng, mục tiêu phát triển hoạt động tín dụng nông thôn.....	86
3.2. Giải pháp về tăng hiệu quả sử dụng vốn của hộ	89
3.3. Giải pháp về thị trường vốn tín dụng huyện Yên Dũng	90
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	93
1. Kết luận	93
2. Kiến nghị.....	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95
PHỤ LỤC	97

DANH MỤC KÝ TỰ VIẾT TẮT

CNH - HDH	: Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
CN - TTCN	: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp
CTTDUD	: Chương trình tín dụng ưu đãi
DTBQ	: Diện tích bình quân
DV - NN	: Dịch vụ - Ngành nghề
ĐTCS	: Đối tượng chính sách
GO	: Giá trị sản xuất
HTXTD	: Hợp tác xã tín dụng
IC	: Chi phí trung gian
MI	: Thu nhập hỗn hợp
NHCSXH	: Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN&PTNT	: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NHTM	: Ngân hàng thương mại
NHTW	: Ngân hàng Trung ương
NLNTS	: Nông lâm nghiệp thuỷ sản
NS&VSMT	: Nước sạch và vệ sinh môi trường
QTDND	: Quỹ tín dụng nhân dân
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
SXKDVKK	: Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn
TS	: Tài sản
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TM-DV	: Thương mại - Dịch vụ
TK-VV	: Tiết kiệm vay vốn
UBND	: Ủy ban nhân dân
VA	: Giá trị gia tăng
XĐGN	: Xoá đói giảm nghèo

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình đất đai và sử dụng đất đai của huyện Yên Dũng năm 2008- 2010	49
Bảng 2.2: Tình hình lao động và sử dụng lao động của huyện Yên Dũng năm 2008 - 2010	53
Bảng 2.3: Bảng tổng hợp đặc điểm hộ nghèo năm 2010.....	55
Bảng 2.4: Giá trị sản xuất các ngành kinh tế nông thôn huyện Yên Dũng năm 2008 - 2010	60
Bảng 2.5: Doanh số cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng.....	64
Bảng 2.6: Số hộ nghèo vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng.....	66
Biểu 2.7: Biến động từ nguồn vốn giải quyết việc làm từ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng.....	67
Bảng 2.8: Dư nợ và doanh số thu nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng.....	68
Bảng 2.9: Doanh số cho vay của Ngân hàng NN&PTNT huyện Yên Dũng trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2008 - 2010	71
Bảng 2.10: Số hộ vay vốn của Ngân hàng NN&PTNT huyện Yên Dũng	73
Bảng 2.11: Dư nợ và doanh số thu nợ của NH NN&PTNT Yên Dũng	73
Bảng 2.12: Một số thông tin về chủ hộ điều tra	76
Bảng 2.13: Tình hình tài sản của hộ điều tra	78
Bảng 2.14: Tình hình sử dụng đất đai của các hộ điều tra	79
Bảng 2.15. Nhu cầu vay vốn của hộ được điều tra.....	80
Bảng 2.16. Tỷ lệ nhu cầu vay vốn của các nhóm hộ được điều tra với các mức cho vay khác nhau	81
Bảng 2.17. Tỷ lệ nhu cầu vay vốn của các hộ được điều tra với kỳ hạn cho vay khác nhau	82
Bảng 2.18: Ý kiến của hộ điều tra về hoạt động tín dụng nông thôn	83

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu đất đai của huyện Yên Dũng năm 2010	47
Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ hộ vay vốn hộ nghèo phân theo ngành của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng giai đoạn 2008- 2010	66
Biểu đồ 2.3: Tổng dư nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Dũng giai đoạn 2008 - 2010	68
Biểu đồ 2.4: Doanh số cho vay phân theo ngành của Ngân hàng NN&PTNT huyện Yên Dũng 2008 - 2010	71

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển của loài người, nghèo đói vẫn là vấn đề xã hội rộng lớn và mang tính toàn cầu. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng nhiều quốc gia vẫn chưa giải quyết được vấn đề nghèo đói. Do nhận thức, phương pháp giải quyết và điều kiện kinh tế - xã hội ở mỗi nước, mỗi vùng là khác nhau mà mức độ nghèo đói và số người nghèo đói khác nhau. Việt Nam vốn là nước nông nghiệp, hiện có 70,4% dân số sống ở khu vực nông thôn. Lao động nông nghiệp chiếm 52% tổng lao động cả nước. Đến năm 2009, cả nước có 2,4 triệu hộ nghèo, chiếm 13% tổng số hộ, trong đó 90% số hộ sống ở khu vực nông thôn với hơn 30% các hộ nông dân nghèo nhất đang sinh sống ở các vùng nghèo nhất của cả nước. Vì vậy, vấn đề xóa đói giảm nghèo là một trong những nội dung xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội không chỉ của riêng Việt Nam mà của cả các nước đang phát triển và là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Chính Phủ các nước.

Kết quả của các cuộc điều tra kinh tế - xã hội do nhiều tổ chức khác nhau tiến hành đều cho một kết luận chung là đại bộ phận số hộ ở nông thôn, đặc biệt là các hộ nghèo đều trong tình trạng thiếu vốn và có nhu cầu vay vốn cho sản xuất kinh doanh. Thiếu vốn là nguyên nhân trước hết cản trở sự mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và tăng thu nhập ở nông thôn, đặc biệt là ở các hộ nghèo. Vốn tín dụng có vai trò mạnh mẽ trong bổ sung sự thiếu hụt đó nhằm phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trong đó tín dụng chính thức là một phương tiện dịch vụ tài chính bền vững có thể giúp người nghèo không chỉ tạo thêm thu nhập, gây dựng vốn liếng mà còn có thể giúp họ giảm bớt những tổn thương do những tác động của ngoại cảnh mang lại. Hình thức tín dụng chính thức được coi là một giải pháp cơ bản giúp các hộ nghèo có

thể chuyển từ việc kiếm ăn hàng ngày sang tích lũy cho tương lai, đầu tư tốt hơn cho các chế độ dinh dưỡng, cải thiện điều kiện sống: mua sắm thêm các phương tiện sản xuất và tiêu dùng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục cho trẻ em.

Với Việt Nam hiện nay, một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển là hoạt động xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Trong đó, hoạt động tín dụng chính thức là cách kích thích các hoạt động tạo thu nhập để giúp người nghèo vượt khỏi đói nghèo. Tín dụng chính thức không giống như những yếu tố đầu vào thông thường như hạt giống hay phân bón mà tín dụng giúp người nghèo nắm quyền kiểm soát các nguồn tài nguyên, có tiếng nói trọng lượng hơn trong các giao dịch kinh tế cũng như quan hệ xã hội. Trong lý thuyết phát triển kinh tế, khả năng tiếp cận tín dụng là một yếu tố quan trọng để “trao quyền” cho người nghèo.

Tuy vậy, trong thực tế, hệ thống tín dụng ở khu vực nông thôn và đặc biệt là với người nghèo vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Đối với hệ thống tín dụng chính thống, nhiều hộ dân ở nông thôn không có ruộng đất hoặc không có tài sản thế chấp rất khó có thể vay vốn; số khác có đất, có tài sản thế chấp thì lại không biết mình được hưởng quyền lợi gì hoặc sợ các thủ tục vay vốn phiền hà, phức tạp hoặc có tư tưởng chậm tiến, sợ nếu vay sẽ gặp rủi ro và không trả được nợ... Đối với hệ thống tín dụng không chính thống, người dân thường phải vay vốn với mức lãi suất cao và thời hạn cho vay không dài đã gây nhiều khó khăn cho quá trình đầu tư sản xuất kinh doanh của các hộ... Do đó, việc cung cấp đầy đủ, toàn diện nguồn tín dụng đang là vấn đề hết sức khó khăn đối với hộ nông dân. Thực tế này đòi hỏi hoạt động của các hệ thống tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung và tín dụng phục vụ người nghèo nói riêng cần phải cải thiện hơn nữa, góp phần giúp người nghèo tiếp cận nguồn tín dụng này có hiệu quả hơn nữa.